

QUẢN LÝ THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VIỆT NAM: MÔ HÌNH TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT THỂ CHẾ

TS Ninh Thị Kim Thoa
Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài viết phát triển một mô hình lý thuyết dựa trên các khái niệm về đẳng cấu thể chế và các phản ứng chiến lược giúp giải thích những thay đổi của thư viện trong môi trường hoạt động vĩ mô, dưới sự tác động của những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, và các áp lực đẳng cấu cưỡng chế, mô phỏng và quy chuẩn. Phân tích những thay đổi gần đây của thư viện đại học Việt Nam, tập trung vào những vấn đề quản lý nói chung và vấn đề đảm bảo và kiểm định chất lượng nói riêng dựa trên mô hình lý thuyết đề xuất và các dữ liệu có sẵn. Việc ứng dụng mô hình lý thuyết này trong hoạt động thư viện sẽ giúp các cán bộ quản lý và các nhà nghiên cứu phân tích, đánh giá và hiểu những thay đổi trong hoạt động thư viện, từ đó đưa ra những kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp.

Từ khóa: Thư viện đại học; tổ chức thư viện; chính sách; quản lý chất lượng thư viện; lý thuyết thể chế; Việt Nam.

Academic library management in Vietnam: institutional theory model

Summary: The article develops a theory based on definitions of isomorphic constitution and strategic reactions in order to explain changes in macro activities of libraries under the influences of political, cultural and social elements as well as the isomorphic forced pressure, simulations and criteria. Analyzing recent changes in Vietnamese academic libraries management, focusing on general management issues as well as specific quality control and maintenance based on the suggested theoretical model and available data. The application of this theoretical model into library activities will assist librarians and researchers in analyzing, reviewing and understanding changes in library activities, therefore building suitable development plans and strategies.

Keywords: University library; library organization; policy; library quality control; institutional theory; Vietnam.

Mở đầu

Thư viện đại học ngày nay đang hoạt động trong một môi trường năng động với những thay đổi liên tục, đặc biệt là thay đổi về công nghệ. Trong những năm qua, thư viện đại học Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học. Bài viết này khái quát những thay đổi của thư viện đại học Việt Nam nhìn từ tiếp cận lý thuyết thể chế. Theo đó, một mô hình lý thuyết được xây dựng để hiểu bối cảnh dẫn đến những thay đổi

của thư viện, các áp lực thể chế và những chiến lược mà thư viện cần xác định nhằm thích nghi với môi trường hoạt động và quản lý để đổi mới và phát triển.

1. Xây dựng mô hình phân tích những thay đổi của tổ chức từ việc tiếp cận lý thuyết thể chế

Các tổ chức, bao gồm thư viện, không thể hoạt động và phát triển một cách độc lập mà phải thích nghi với môi trường biến động thường xuyên ở bên ngoài [1]. Mỗi tổ chức đều tồn tại trong một môi trường có các đặc

Nghiên cứu - Trao đổi

điểm công nghệ, văn hóa và xã hội nhất định, phải thay đổi và thích nghi với môi trường đó, và phụ thuộc vào các mối quan hệ được xây dựng với các hệ thống khác nhau [2]. Để quản lý sự thay đổi, các nhà quản lý cần hiểu bối cảnh hoạt động của tổ chức để xác định những yếu tố tác động của môi trường vĩ mô và những khuynh hướng đang nổi lên nhằm đưa ra các chiến lược, chiến thuật và hành động phù hợp. Một trong những mô hình giúp nghiên cứu môi trường vĩ mô của tổ chức là mô hình nghiên cứu các yếu tố chính trị - luật pháp, kinh tế, văn hoá-xã hội, và công nghệ. Các yếu tố chính trị-luật pháp thể hiện mức độ mà nhà nước và các văn bản pháp quy tác động đến các lĩnh vực hoạt động khác nhau trong xã hội; các yếu tố kinh tế (như tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá ngoại tệ...) liên quan mật thiết đến việc ra quyết định và điều hành sản xuất kinh doanh; các yếu tố văn hoá - xã hội (tỷ lệ tăng trưởng dân số, độ tuổi của dân số, các quan điểm nghề nghiệp...) có ảnh hưởng quan trọng đến nhu cầu và sự lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ; các yếu tố công nghệ (hoạt động nghiên cứu và phát triển, tự động hóa, tốc độ phát triển của công nghệ, các phát minh công nghệ mới...) ảnh hưởng đến các quyết định quản lý, chi phí, chất lượng và khả năng ứng dụng để đổi mới.

Phản ứng của tổ chức do các tác động của môi trường vĩ mô không được hình thành một cách tự phát. Khuynh hướng và bản chất của các hành vi tổ chức được diễn ra dưới tác động của môi trường vĩ mô và do các áp lực bên ngoài. Các áp lực này được phân tích trong lý thuyết thể chế mới (neo-institutionalism) được sử dụng như là một hướng để nghiên cứu sự thay đổi của tổ chức. Thể chế được hiểu là các quy tắc chính thức và không chính thức, các cơ chế giám sát và thực thi, và các hệ thống giá trị để xác định bối cảnh mà

trong đó các cá nhân và các tổ chức hoạt động và tương tác với nhau [3]. Lý thuyết thể chế mới được tiếp cận từ góc độ xã hội học, đề cập đến những thay đổi trong hành vi của tổ chức do sự tác động của các yếu tố khác nhau trong xã hội, về cách thức các tổ chức có thể làm tăng khả năng của mình để phát triển và tồn tại hợp pháp trong mối quan hệ với các bên liên quan và trong một môi trường cạnh tranh. Hệ quả là các tổ chức sẽ phải tìm các phương pháp để tuân thủ các quy tắc và chuẩn mực có giá trị xã hội được thiết lập bởi các cơ quan quyền lực và các tổ chức nhất định để tồn tại và phát triển. Cơ chế mà các tổ chức khác nhau thích ứng với các quy tắc và thủ tục và cùng chịu ảnh hưởng của môi trường hoạt động bên ngoài gọi là đẳng cấu (sự giống nhau về) thể chế [4]. Ví dụ, nhiều tổ chức thuộc những lĩnh vực hoạt động khác nhau và có các đặc điểm riêng biệt nhưng đều áp dụng ISO 9001 để thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng của đơn vị mình. Như vậy, áp lực của môi trường bên ngoài đã buộc các tổ chức hoạt động trong các điều kiện và bối cảnh khác nhau phải thay đổi chiến lược, mô hình tổ chức, quy trình và hệ thống hoạt động. Theo DiMaggio và Powell, sự thay đổi dẫn đến giống nhau về thể chế thường diễn ra dưới ba cơ chế khác nhau: sự giống nhau do (hay còn gọi là đẳng cấu) cưỡng chế, sự giống nhau do mô phỏng và sự giống nhau do tuân thủ các quy chuẩn.

Mặc dù đã nêu lên các áp lực của môi trường bên ngoài tác động đến các cơ quan tổ chức, DiMaggio và Powell chưa đề cập đến những ứng phó mang tính chiến lược của tổ chức đối với các ảnh hưởng của thể chế [5]. Vì vậy, đẳng cấu thể chế cần được nghiên cứu rộng hơn tới những phản ứng của tổ chức dưới sự tác động của áp lực thể chế, bao gồm năm loại ứng phó chiến lược: phục tùng (acquiescence), thoả hiệp (compromise), bác bỏ (avoid),

Nghiên cứu - Trao đổi

không tuân thủ (defy), và lôi kéo/vận động (manipulate):

- Phục tùng là sự tôn trọng triệt để những giá trị và quy chuẩn vô hình và mang tính hiển nhiên, hoặc làm theo các mô hình thể chế có sẵn, hoặc tuân theo các quy định và tiêu chuẩn đã được chấp thuận.

- Thoả hiệp là sự nhận thức được các yêu cầu và thách thức của môi trường xung quanh của tổ chức để giúp cân bằng sự mong đợi của các bên liên quan, xoa dịu và điều tiết các yếu tố thể chế hoặc thương lượng với các bên liên quan.

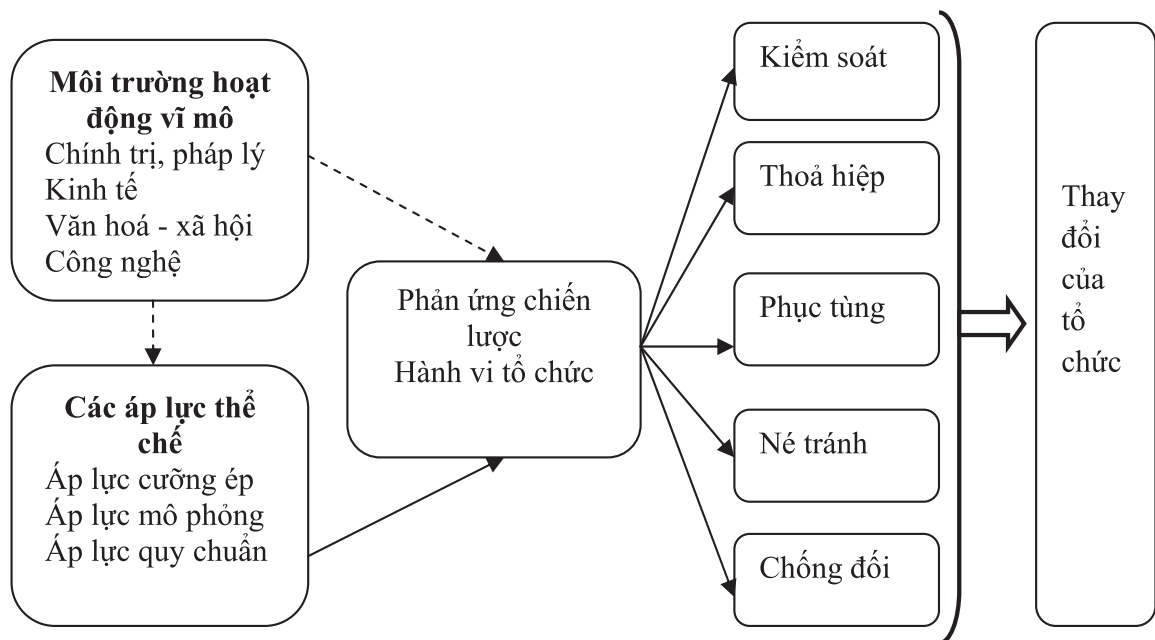
- Né tránh: Tổ chức ngụy trang cho sự bất tuân thủ của tổ chức bằng vẻ ngoài phục tùng, hoặc giảm mức độ giám sát từ bên ngoài bằng cách tách các hoạt động kỹ thuật khỏi việc tiếp xúc trực tiếp với bên ngoài hoặc thay đổi các mục tiêu, hoạt động và lĩnh vực hoạt động để tránh các áp lực thể chế

- Không tuân thủ: Tổ chức cố tình bỏ qua các giá trị, quy tắc và tiêu chuẩn đã được thiết lập một cách rõ ràng, hoặc làm theo những giá

trị, quy tắc và tiêu chuẩn đối lập với các giá trị, quy tắc và tiêu chuẩn quy định hiện hành, hoặc tấn công các thực thể gây áp lực.

- Lôi kéo và vận động: Tổ chức hợp tác với các đối tác có ảnh hưởng, hình thành các giá trị và tiêu chí đánh giá nhằm gây ảnh hưởng đến quan điểm và việc ra quyết định phân bổ ngân sách của lãnh đạo thông qua vận động hành lang, hoặc nỗ lực để thực thi quyền lực trực tiếp lên các nguồn gây áp lực thể chế và các quy trình chứ không phải để gây ảnh hưởng, sắp đặt hay vô hiệu hóa chúng.

Từ những phân tích đã trình bày ở trên, mô hình lý thuyết về thay đổi của tổ chức dưới những ảnh hưởng của môi trường vĩ mô và những áp lực thể chế được thể hiện trong Hình 1. Mô hình này được sử dụng để phân tích những thay đổi của thư viện đại học Việt Nam hiện nay trong mối tương quan với các đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội và công nghệ của môi trường phát triển toàn cầu hoá, cũng như những áp lực cưỡng chế, mô phỏng và quy chuẩn.



Hình 1. Mô hình phân tích những thay đổi của tổ chức từ tiếp cận lý thuyết thể chế

2. Sự thay đổi của các thư viện đại học từ tiếp cận lý thuyết thể chế

Dựa trên mô hình trình bày trong Hình 1, phần này sẽ phân tích những thay đổi của thư viện đại học Việt Nam trong những năm qua dựa trên các dữ liệu và nội dung trong các tài liệu hiện có. Các dữ liệu được trình bày trong bài viết được trích dẫn từ luận án *Quality management at university libraries in Viet Nam: An exploratory framework for development and implementation* [7] và với nội dung tập trung chủ yếu vào các hoạt động như: đảm bảo và kiểm định chất lượng, mô hình tổ chức thư viện, tiêu chuẩn hoá và ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện.

2.1. Đặc điểm môi trường vĩ mô

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thư viện đại học, trong đó có các yếu tố chính trị - pháp lý, kinh tế, văn hoá - xã hội và công nghệ.

Về các yếu tố chính trị - pháp lý: Hoạt động của thư viện được quy định trong các văn bản luật và các quy định của Chính phủ. Hiện nay, công tác tổ chức và hoạt động của các thư viện Việt Nam dựa trên hai văn bản chính là: *Quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường đại học* (ban hành theo quyết định số 688/QĐ ngày 14 tháng 7 năm 1986 của Bộ trưởng Bộ ĐH&THCN) [8] và *Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học* (ban hành theo Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL) [9]. Theo đó, các hoạt động của thư viện đại học phải tuân thủ các điều khoản liên quan về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, hoạt động của thư viện đại học Việt Nam cũng cần đáp ứng được các tiêu chí về chất lượng theo tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành và cần tuân thủ một loạt các văn bản pháp luật liên quan như: Pháp lệnh thư viện, Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Xuất bản. Ngoài

ra, chính sách về giáo dục, phát triển khoa học công nghệ của Nhà nước cũng là cơ sở cho các định hướng phát triển của thư viện. Ví dụ, theo Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 [10] thì thông tin, thống kê khoa học và công nghệ là một trong những định hướng nhiệm vụ phát triển, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể như: phát triển mạnh mẽ dịch vụ cung cấp, tổng hợp - phân tích thông tin, tăng cường cập nhật, chia sẻ và cung cấp thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu, tăng cường mô hình phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Những chính sách, quy định và định hướng trên chính là cơ sở để thư viện xây dựng các chiến lược phát triển nguồn lực, quản lý thông tin và tuân thủ các tiêu chuẩn chung.

Về yếu tố kinh tế: Hoạt động thư viện đại học phụ thuộc vào các nguồn lực tài chính được phân bổ, bao gồm: kinh phí bổ sung, kinh phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, kinh phí phát triển nâng cao trình độ nguồn nhân lực... Mức độ kinh phí được cấp của thư viện được coi là yếu tố quan trọng tác động đến mức độ hài lòng của người dùng tin và chất lượng, số lượng nguồn lực thông tin thư viện. Kinh phí hoạt động của các thư viện đại học Việt Nam hiện nay dựa trên các nguồn chính như: nguồn Nhà nước cấp, nguồn thu từ dịch vụ và từ các dự án phát triển thư viện. Trong khi nguồn kinh phí của Nhà nước cấp còn hạn chế thì các nguồn khác lại không ổn định và phụ thuộc vào khả năng và điều kiện cụ thể của các thư viện. Những tác động của yếu tố kinh tế lên thư viện đại học dẫn đến sự phụ thuộc của thư viện đại học vào các nguồn cung cấp và các cơ quan có quyền quyết định phân bổ nguồn lực. Sự phụ thuộc của thư viện cũng chính là yêu cầu đòi hỏi các cán bộ lãnh đạo thư viện phải phát huy vai trò năng động

Nghiên cứu - Trao đổi

trong việc tìm kiếm kinh phí và các nguồn tài trợ.

Về yếu tố văn hoá-xã hội, giáo dục và giảng dạy: Những yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của thư viện đại học. Nghị quyết của chính phủ số 14/2005 NQ-CP *Về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020* [11] đã xác định các mục tiêu căn bản như:

- Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng, xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định giáo dục đại học.

- Mở rộng quy mô đào tạo.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến.

- Nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, các trường đại học lớn phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước.

Các giải pháp đổi mới quan trọng bao gồm: đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo, đổi mới tổ chức triển khai các hoạt động khoa học công nghệ. Những mục tiêu và giải pháp cho công cuộc đổi mới của giáo dục đại học Việt Nam đòi hỏi các thư viện đại học phải có những chiến lược phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như quy mô hoạt động để đáp ứng được các yêu cầu mới trong đào tạo và nghiên cứu.

Về yếu tố công nghệ: Bối cảnh hợp tác liên thông toàn cầu với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hiện đại hoá và chất lượng hoạt động và phục vụ của thư viện. Nhân loại

đang chứng kiến những thay đổi liên quan đến sự chuyển dịch từ tài liệu in sang định dạng số, sự thay đổi công nghệ liên quan đến dịch vụ thông tin tích hợp, khả năng cá nhân hoá dịch vụ [12] với các tiến bộ như: web ngữ nghĩa, các công nghệ và thiết bị di động, các dịch vụ dựa trên điện toán đám mây.... Các tiến bộ trên đã, đang và tiếp tục tạo điều kiện cũng như thách thức cho các thư viện trong việc tích hợp các ứng dụng của công nghệ vào mọi hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi của người dùng tin trong việc truy cập và chia sẻ thông tin, xây dựng thư viện cộng đồng, lưu trữ và phân tích dữ liệu và xây dựng các bộ sưu tập số.

Những phân tích và đánh giá của Hiệp hội các Thư viện Đại học và Nghiên cứu Hoa Kỳ (ARCL) [13, 14] về những tác động và thách thức của môi trường hoạt động của các thư viện đại học và nghiên cứu ở Hoa Kỳ trong những năm gần đây đã làm rõ hơn những ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài đối với thư viện đại học. Theo đó, thư viện đại học phải đổi mới và giải quyết những vấn đề chính sau:

- Chất lượng giáo dục đại học: Các cơ sở giáo dục đại học đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ và toàn cầu hoá với việc gia tăng các chương trình đào tạo trực tuyến và các khoá học trong khi lại có sự hoài nghi ngày càng gia tăng về “lợi tức đầu tư” của việc có được văn bằng đại học. Những thay đổi trên sẽ tác động đến các thư viện ở góc độ thư viện phải phát triển các dịch vụ và nguồn lực thông tin đáp ứng nhu cầu của các khách hàng truyền thống và khách hàng mới, và thư viện cần phải tiếp tục chứng minh đóng góp của mình đối với chất lượng của các trường đại học đã được công nhận.

- Sự phát triển tính mở của giáo dục đại học, bao gồm truy cập mở đến các kết quả nghiên cứu và giáo dục mở (ví dụ: massive

Nghiên cứu - Trao đổi

open online courses - MOOCs) đòi hỏi các thư viện phải đóng vai trò chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn kinh phí thông qua hợp tác với trường đại học, các nhà xuất bản, các tổ chức và các thư viện khác để tạo ra cơ chế tài chính hỗ trợ các khoa chuyên ngành trong việc xuất bản khoa học cho phép truy cập miễn phí.

- Thành công của sinh viên: Những yêu cầu liên quan đến báo cáo giáo dục, kiểm định chất lượng, đánh giá đầu ra được đo lường bởi thành tựu của sinh viên, duyệt cấp ngân sách dựa trên kết quả đầu ra của quá trình đào tạo... đòi hỏi thư viện phải tham gia thiết thực vào hoạt động của nhà trường, đóng góp cho chất lượng đào tạo và chứng minh hiệu quả và giá trị của thư viện thông qua công tác đánh giá.

- Tạo lập, chọn lựa, tổ chức và chia sẻ dữ liệu (data curation): Các thách thức đang gia tăng bởi số lượng các tiêu chuẩn xử lý các loại dữ liệu ngày càng tăng và đa dạng, gia tăng các kho lưu trữ dữ liệu trong đó có kho lưu trữ dựa trên công nghệ điện toán đám mây. Cán bộ thư viện và thông tin cần hợp tác với cộng đồng nghiên cứu để phát triển các khuynh hướng của quy trình xử lý và lưu trữ trên.

- Bảo quản số: Nguồn tài liệu - thông tin số tăng đến giai đoạn chín muồi đòi hỏi cần có một chiến lược dài hạn cho việc lưu trữ, bao gồm thiết kế, các chính sách, các tiêu chuẩn cho tạo lập, đánh giá và bảo quản nội dung số.

- Công nghệ thông tin tiếp tục là yếu tố tác động mạnh mẽ đến định hướng phát triển trong tương lai của thư viện đại học. Ví dụ: mạng xã hội và truyền thông với các truy cập mở là thách thức đối với vai trò của thư viện và đặt thư viện dưới những áp lực phải phát triển những cách thức mới để hỗ trợ người dùng tin.

- Công nghệ di động: Các thiết bị di động tiếp tục ảnh hưởng và thay đổi cách mà thông

tin được phân phối và truy cập; Các dịch vụ thiết bị số trung gian; Sự gia tăng các thiết bị số với kích thước khác nhau của nhà cung cấp khác nhau dẫn đến nhu cầu hợp tác với các nhà xuất bản và thiết kế webste thư viện có tính đáp ứng (responsive design) phù hợp với mọi thiết bị và màn hình.

- Giao lưu học thuật: Các mô hình xuất bản và giao lưu học thuật mới được phát triển với tốc độ nhanh, yêu cầu các thư viện tham gia chủ động vào quá trình đó để tránh lạc hậu.

- Đo lường thay thế - Phương pháp thay thế để đo mức độ ảnh hưởng của các kết quả nghiên cứu được xuất bản trên môi trường web và các trao đổi học thuật giữa các nhà nghiên cứu. Vai trò của thư viện được coi như là bộ lọc, cung cấp, hướng dẫn sử dụng các công cụ đo lường thay thế để khuyến khích sự phát triển của khoa học và trao đổi học thuật.

- Nhân sự: Thư viện đại học cần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình phát triển hiện nay.

- Các hành vi và kỳ vọng của người dùng tin về sự tiện lợi của các dịch vụ thông tin bao gồm: lựa chọn, truy cập và sử dụng các nguồn thông tin.

- Học tập dựa trên năng lực: Thư viện tăng cường phát triển các chương trình, sản phẩm và dịch vụ giúp người dùng tin học tập một cách thuận lợi theo cách mà họ muốn và thấy phù hợp.

Như vậy, thư viện đại học trong bối cảnh toàn cầu hoá đang hoạt động trong môi trường với những thách thức to lớn liên quan đến những thay đổi căn bản trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, trong chính sách phát triển của giáo dục đại học, những yêu cầu liên quan đến đảm bảo chất lượng, và những thay đổi trong nhu cầu và mong đợi của người dùng tin.

2.2. Áp lực thể chế và các chiến lược hành động trước các yêu cầu thay đổi

Đẳng cấu cưỡng chế (coercive isomorphism) là sự giống nhau giữa các tổ chức do cùng phải chịu các sức ép chính thức hoặc không chính thức từ các thể chế quyền lực bên ngoài (như các cơ quan quản lý, khách hàng và nhà cung cấp). Các tổ chức bị phụ thuộc thường phải thay đổi hệ thống và quy trình thủ tục để tuân thủ các quy định pháp lý nhằm đảm bảo các nguồn lực kinh tế và tính hợp pháp. Sự phụ thuộc của các tổ chức vào tổ chức quyền lực bên ngoài càng tăng thì dẫn đến tính khác biệt giữa các tổ chức bị phụ thuộc càng giảm. Thông thường, có hai loại sức ép cưỡng chế, bao gồm các quy định pháp lý được ban hành bởi chính phủ và các cơ quan chuyên môn, và sự cạnh tranh đến từ những sự đe dọa mất lợi thế cạnh tranh. Trong bối cảnh của hoạt động thư viện đại học, các sức ép của đẳng cấu cưỡng chế thường bắt nguồn từ các cơ quan chính phủ và từ trường đại học, và liên quan đến các quy định khác nhau về kiểm soát tài chính, công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng, công tác báo cáo và thống kê, sự cạnh tranh với các nhà cung cấp dịch vụ thông tin khác.

Trong điều kiện Việt Nam, các thư viện đại học chịu sự quản lý trực tiếp, và phụ thuộc vào khả năng cung cấp các nguồn lực từ Nhà nước, cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD & ĐT), các bộ chủ quản, và trường đại học. Vì vậy, hành vi tổ chức của các thư viện liên quan trực tiếp tới những thay đổi trong chính sách, quy định và yêu cầu của các cơ quan cấp trên. Có thể nói, một trong những thay đổi gần đây của các thư viện đại học là do tác động mạnh mẽ của các quy định về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng đại học do Bộ GD & ĐT ban hành, trong đó bao gồm các tiêu chí đánh giá chất lượng thư viện. Theo các hướng dẫn về việc sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng [15], thư viện các

trường đại học phải cung cấp bằng chứng, văn bản và dữ liệu về các chính sách và quy định của thư viện, nguồn lực thông tin, người dùng tin và các dịch vụ thư viện, công nghệ ứng dụng tại thư viện, và các hỗ trợ của trường đại học để phát triển thư viện. Việc áp dụng các chính sách về kiểm định chất lượng đã dẫn đến những thay đổi ở các thư viện. Yêu cầu kiểm định, đánh giá được coi là một trong những yếu tố bên ngoài tác động đến việc hoạt động thư viện phải tuân theo các tiêu chuẩn chất lượng.

Công tác quản lý chất lượng của thư viện luôn gắn liền với vấn đề quản lý chất lượng của nhà trường và dựa trên các tiêu chí chất lượng cụ thể của Bộ GD & ĐT và các tiêu chuẩn được xác định [17]. Các hoạt động cụ thể diễn ra rất đa dạng tại các thư viện, bao gồm việc biên soạn, điều chỉnh, sau đó là công bố ban hành các quy trình và chuẩn nghiệp vụ của thư viện trong tất cả khâu kỹ thuật nghiệp vụ và dịch vụ, từ công tác bổ sung, xử lý kỹ thuật đến công tác phục vụ bạn đọc. Nhiều trường đại học cũng áp dụng các công cụ quản lý chất lượng như ISO 9001 để hỗ trợ hoạt động quản trị trong nhà trường. Các thư viện đại học cũng tham gia vào quá trình áp dụng ISO 9001 như là một đơn vị trực thuộc của trường đại học. Một số thư viện có quyền tự chủ tài chính cũng chủ động lựa chọn ISO 9001 để áp dụng trong hoạt động đảm bảo chất lượng như Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Trải qua 10 năm kể từ khi công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng được triển khai, các thư viện đại học đã và đang có những thay đổi đáng kể trong hoạt động đảm bảo chất lượng, góp phần hình thành văn hoá chất lượng của trường đại học, đóng góp vào việc nâng cao chất lượng của nhà trường. Các thay đổi này bao gồm:

- Phát triển nguồn tài nguyên thông tin theo hướng đa dạng hoá về hình thức và

Nghiên cứu - Trao đổi

chuyên sâu hoá về nội dung, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin, phục vụ các chương trình đào tạo và nghiên cứu.

- Xây dựng quy trình hoạt động thư viện, mô tả công việc và trách nhiệm của các bộ phận, của ban giám đốc và các nhân viên thư viện.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện về kiến thức chuyên môn, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm.

- Thực hiện thống kê báo cáo, điều tra khảo sát, tự đánh giá chất lượng thư viện và đánh giá ngoài.

- Bắt đầu hình thành cơ chế đánh giá chất lượng dựa trên minh chứng: tạo lập, lưu trữ, quản lý, sử dụng các minh chứng về chất lượng thư viện.

- Sử dụng các công cụ quản lý chất lượng.

Đẳng cấu mô phỏng (mimetic isomorphism) là sự giống nhau giữa các tổ chức do các tổ chức này thường tìm kiếm các hình mẫu thành công khác trong xã hội để làm theo các cấu trúc, hệ thống và quy trình của các tổ chức đó để đạt được các kết quả như mong muốn. Ở Việt Nam, có thể nhận thấy đẳng cấu mô phỏng diễn ra ở một số dạng như: mô phỏng mô hình tổ chức, học tập và áp dụng các tiêu chuẩn, kỹ thuật nghiệp vụ, dịch vụ và công nghệ đã được ứng dụng thành công ở các thư viện trong và ngoài nước. Có thể thấy sự vận dụng mô hình tổ chức của các thư viện ở các nước phát triển tại các Trung tâm học liệu ở Việt Nam, với ba bộ phận chính bao gồm dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ thông tin và quản trị hành chính [16]. Các trung tâm này tích hợp hệ thống công nghệ thông tin hiện đại với các trang thiết bị nghe nhìn nhằm hỗ trợ việc tổ chức và truy cập đến các nguồn tài nguyên thông tin đa ngành và đa loại hình. Các thư viện cũng mô phỏng các dịch vụ và sản phẩm được cho là thành công và thu hút người dùng tin đã áp dụng tại các thư viện khác cũng như phương pháp cung cấp dịch vụ.

Các hoạt động tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm giữa các thư viện đại học trong và ngoài nước đã và đang được tiến hành. Các nội dung được chú trọng bao gồm: việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thư viện (áp dụng các phần mềm mã nguồn mở để xây dựng thư viện số và quản lý thư viện, xây dựng website thư viện), các kỹ năng nghiệp vụ tổ chức - xử lý và phân phối thông tin, các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động thư viện (bản quyền, sở hữu trí tuệ), quản lý và phát triển nguồn lực thông tin.

Có thể nói, các áp lực tạo ra đẳng cấu mô phỏng giúp thư viện đưa ra các giải pháp thực tiễn có thể thực hiện được trong một khoảng thời gian ngắn với chi phí thấp và những nỗ lực nhất định.

Đẳng cấu quy chuẩn (normative isomorphism) thể hiện sự giống nhau giữa các tổ chức do yêu cầu phải tuân thủ các quy chuẩn nghiệp vụ (như tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy phạm thực hành và các văn bản pháp quy chuyên môn), là cơ chế liên quan đến mong muốn chuyên nghiệp hoá hoạt động chuyên môn của tổ chức, phát sinh khi các chuyên gia của một tổ chức phải chịu những áp lực để tuân thủ các quy định, quy tắc và giá trị nghề nghiệp. Ngày nay, với sự phát triển và ứng dụng của công nghệ thông tin và các công nghệ mới, sự gia tăng các nguồn thông tin số và xu hướng toàn cầu hoá, công tác chuẩn hoá ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động thư viện, bao gồm thư viện đại học, để đảm bảo chất lượng, tính thống nhất, sự liên thông và khả năng hợp tác. Đẳng cấu quy chuẩn được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau của giáo dục - đào tạo và huấn luyện được tổ chức bởi các cơ sở đào tạo, các hiệp hội chuyên ngành, thông qua các chuyên gia và nhà quản lý. Ở Việt Nam, các tiêu chuẩn hoạt động TV-TT và công nghệ ứng dụng trong thư viện đã và đang được giảng

Nghiên cứu - Trao đổi

dạy tại các cơ sở đào tạo về TV-TT. Ngoài ra, các hiệp hội thư viện và nhiều thư viện đại học cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo và các khoá tập huấn để phổ biến và hướng dẫn sử dụng các tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, góp phần chuẩn hoá hoạt động thông tin tư liệu. Các tiêu chuẩn nghiệp vụ về xử lý, lưu trữ, phục vụ thông tin (Bảng phân loại DDC, Quy tắc biên mục Anh - Mỹ AARC2, Khổ mẫu MARC21, các hệ thống quản trị thư viện tích hợp) và các chuẩn về công nghệ thông tin đã được chú ý đào tạo và tập huấn.

Chiến lược hành động: Hiện chưa có một nghiên cứu toàn diện về các chiến lược mà các thư viện đại học xác lập và thực hiện để vượt qua các tác động của môi trường bên ngoài. Những trình bày ở trên cho thấy một bức tranh sơ lược về cách thức mà các thư viện đại học thay đổi để thích nghi với môi trường cũng như để vượt qua các áp lực đẳng cấu. Có thể nhận thấy ba chiến lược xác lập để ứng phó với các áp lực thể chế bao gồm: phục tùng, thoả hiệp và kiểm soát. Trong chiến lược phục tùng, các chiến thuật như mô phỏng và tuân thủ đều được sử dụng. Ví dụ, trong giai đoạn đầu phải thực hiện các quy định về đảm bảo và kiểm định chất lượng, phản ứng của các thư viện là đại học thường mang tính thụ động khi chuyển từ làm việc theo thói quen và kinh nghiệm sang hoạt động để đạt các chuẩn mực về chất lượng được xác định bởi Bộ GD&ĐT.

Việc thực hiện kiểm định theo tiêu chí đánh giá của Bộ GD&ĐT lúc đầu có một số khó khăn và mang tính đối phó. Tuy nhiên, khi công tác đánh giá chất lượng trở thành một hoạt động thường xuyên, các thư viện ý thức được vai trò và lợi ích của hoạt động này thì đã chủ động tham gia vào quá trình đó, tích cực tìm các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả, chứng minh giá trị của thư viện với nhà trường nhằm tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ và sự ủng hộ.

Chiến lược thoả hiệp cũng được sử dụng

trong chừng mực nào đó khi các thư viện phải cân bằng và điều tiết các yếu tố thể chế. Ví dụ, khi mới thực hiện đánh giá chất lượng, kiến thức về đảm bảo chất lượng, phương pháp và sự hoàn thiện của các tiêu chí đánh giá còn hạn chế và chưa hoàn toàn thoả đáng dẫn đến có những ý kiến không ủng hộ hoàn toàn. Tuy vậy, giải pháp được lựa chọn của các thư viện là cân bằng giữa các yêu cầu của tiêu chuẩn chất lượng với thực trạng và điều kiện của thư viện về cơ sở vật chất và nguồn lực thông tin.

Các thư viện đại học, cụ thể là ban giám đốc thư viện, cũng nhận thức được tầm quan trọng của đàm phán và thương lượng trong việc tìm và bổ sung các nguồn lực và nâng cao vai trò vị trí của thư viện. Giám đốc thư viện thường là người chịu trách nhiệm đầu tiên về chất lượng và hiệu quả của hoạt động thư viện, và một trong những kỹ năng quan trọng trong nghệ thuật quản lý là thương lượng và đàm phán.

Việc liên kết, hợp tác giữa các thư viện đã được thực hiện ở mức độ nội dung xác định, ví dụ, việc mua giấy phép truy cập cơ sở dữ liệu điện tử, và giới hạn trong một phạm vi giữa các thư viện thành viên của đại học quốc gia. Tuy nhiên, hoạt động phối hợp giữa các thư viện còn rất hạn chế [17].

Kết luận

Mục đích của bài viết này là phát triển một mô hình lý thuyết để giúp cho việc phân tích những thay đổi trong các hoạt động của thư viện đại học, những yếu tố tác động đến quá trình thay đổi đó và những phản ứng của thư viện trước những yêu cầu thay đổi. Mô hình lý thuyết đề xuất dựa trên các khái niệm về đẳng cấu thể chế và các phản ứng chiến lược giúp giải thích những thay đổi của thư viện trong môi trường hoạt động vĩ mô, dưới sự tác động của những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội, và các áp lực đẳng cấu cưỡng chế, mô phỏng và quy

Nghiên cứu - Trao đổi

chuẩn. Dựa trên mô hình lý thuyết đề xuất và các dữ liệu có sẵn, bài viết đã phân tích những thay đổi gần đây của thư viện đại học Việt Nam, tập trung vào những vấn đề quản lý nói chung và vấn đề đảm bảo và kiểm định chất lượng nói riêng. Việc ứng dụng

mô hình lý thuyết này trong hoạt động thư viện sẽ giúp các cán bộ quản lý và các nhà nghiên cứu phân tích, đánh giá và hiểu những thay đổi trong hoạt động thư viện và từ đó đưa ra những kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Rubin, R.E. (2004). Foundations of library and information science. New York: Neal-Schuman Publishers, Inc., tr. 361.
2. Scott, W.R. (1998). Organisations: rational, natural and open system. London: Prentice-hall, tr. 12.
3. Campbell, J.L.(2004). Institutional Change and Globalization Princeton, NJ: Princeton University Press, tr.1.
4. DiMaggio, P.J. & Powell, W.W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organisational fields. American Sociological Review, 48(2), 147-160.
- 5, 6. Oliver, C. (1991). Strategic responses to institutional processes. Academy of Management Review, 16 (1), 145-179.
7. Ninh, Thi Kim Thoa (2013). Quality management in university libraries in Vietnam: An exploratory framework for development and implementation. Luận án Tiến sĩ. Đại học Monash, Úc.
8. Quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường đại học (Ban hành theo quyết định số 688/QĐ ngày 14/7/1986 của Bộ trưởng Bộ ĐH&THCN).
9. Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học (Ban hành theo Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL).
10. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ Về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 (Ban hành ngày 2/11/2005.)
11. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 – 2020 (Ban hành theo Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/4/2012).
12. Võ, Sĩ Dũng. (2012). Định hình lại thư viện đại học và nghiên cứu trong thế kỷ 21. Truy cập ngày 4/10/2014 từ: http://www.ted.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=721:nh-hinh-li-th-vin-i-hc-va-nghien-cu-trong-th-k-21&catid=109:th-vin-s&Itemid=581.
13. 2012 Top ten trends in academic libraries: A review of the trends and issues affecting academic libraries in higher education. Truy cập ngày 4/10/2014 từ <http://crln.acrl.org/content/73/6/311.full>.
14. 2014 Top trends in academic libraries: A review of the trends and issues affecting academic libraries in higher education. Truy cập ngày 4/10/2014 từ <http://crln.acrl.org/content/75/6/294.full>.
15. Hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học (Ban hành ngày 23/5/2013 theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học số 527/KTKĐCLGD-KĐDH của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng, của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT).
16. Nguyễn, Văn Hành. (2010). Về chuẩn hóa công tác thư viện đại học ở Việt Nam. Tạp chí Thư viện Việt Nam, 4(24), tr. 10-14.
17. Đức Lương, Khánh Linh. (2011). Đẩy mạnh hợp tác giữa các thư viện đại học ở Việt Nam – Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện. Tạp chí Thư viện Việt Nam, 5 (11), tr. 22-25.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-11-2014; Ngày phản biện đánh giá: 06-02-2015; Ngày chấp nhận đăng: 22-04-2015).